

MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN “KĨ NĂNG BỘC LỘ QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN” CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Phan Thị Hằng

Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
Email: hangphan88@gmail.com

Article history

Received: 15/11/2021

Accepted: 20/12/2021

Published: 05/01/2022

Keywords

Personal views, high school students, reading comprehension, argumentative texts

ABSTRACT

In the context that Vietnamese education is undergoing a fundamental and comprehensive renovation in the direction of developing students' qualities and capabilities, the practice of expressing personal views for students is an important content to keep in mind. In addition, the reading comprehension in the previous Literature curriculum only stopped at the teacher commenting on the work; the students listened passively, and the knowledge students received was limited within the scope provided by the teacher. Therefore, choosing an appropriate reading comprehension method to help students read and understand texts and form reading comprehension skills in a methodical way plays an important role. The article proposes some measures to practice the skills of expressing personal views for high school students in teaching reading comprehension of argumentative texts. This is a practical issue, with scientific and practical significance, meeting innovation requirements.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, việc đổi mới trong dạy học môn Ngữ văn ở cấp THPT đã có nhiều chuyển biến tích cực hướng đến phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (Bộ GD-ĐT, 2018b). Trong đó, “kĩ năng bộc lộ quan điểm cá nhân” là một trong những nội dung quan trọng đối với học sinh (HS) THPT. Kỹ năng này đáp ứng nhu cầu khẳng định chủ kiến, tránh lối suy luận thụ động, máy móc, góp phần bồi dưỡng phẩm chất, cá tính, bản lĩnh, năng lực của HS THPT, từ đó phát huy được năng lực cá nhân, khẳng định được bản thân trong quá trình học tập và cuộc sống. Văn bản nghị luận (VBNL) có vị trí quan trọng trong chương trình Ngữ văn THPT và có nhiều ưu thế trong việc dạy cho HS cách nghĩ, cách viết, cách bày tỏ quan điểm cá nhân về một vấn đề cụ thể, nhằm thuyết phục người đọc, người nghe thấu hiểu, tin tưởng, tán đồng và hành động theo mình. Tuy nhiên, trong thực tế dạy học hiện nay, phần lớn giáo viên (GV) chưa nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của vấn đề, còn lúng túng trong việc xác định nội dung, các biện pháp, các dạng bài tập phát triển kĩ năng bộc lộ quan điểm cá nhân cho HS. Vì vậy, bài báo trình bày một số biện pháp rèn luyện kĩ năng bộc lộ quan điểm cá nhân cho HS THPT trong quá trình dạy học VBNL nhằm mục tiêu bồi dưỡng năng khiếu của người học, kích thích hứng thú của các em đối với môn Ngữ văn nói chung, VBNL nói riêng, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả dạy học.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Các vấn đề chung về kĩ năng bộc lộ quan điểm cá nhân cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận

2.1.1. Cách hiểu về kĩ năng bộc lộ quan điểm cá nhân

Theo khảo sát của chúng tôi, nhiều nhà giáo dục nước ngoài và Việt Nam đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc đối với vấn đề phát triển năng lực người học, trong đó có phát triển cá tính, khuyến khích thể hiện quan điểm cá nhân. Chúng ta đã quá quen thuộc với cụm từ “quan điểm cá nhân”; đặc biệt trong dạy học và giáo dục từ lâu đã đề cao quan điểm cá nhân của người học. Trong bài báo này, “bộc lộ quan điểm cá nhân” được hiểu là thể hiện rõ ra những cách nhìn, cách nghĩ theo cảm quan riêng, mang đậm cá tính của mỗi cá nhân. Đây là kết quả của quá trình lĩnh hội tri thức trong nhà trường, trong cuộc sống, sự trưởng thành về trí tuệ, tư duy, ý thức và nhân cách. Kỹ năng “bộc lộ quan điểm cá nhân” là những thao tác, những cách thức thực hành, vận dụng kiến thức, kinh nghiệm đã có để thể hiện rõ ra những cách nhìn, cách nghĩ theo cảm quan riêng, mang đậm cá tính của mỗi cá nhân.

2.1.2. Những biểu hiện của kỹ năng bậc độ quan điểm cá nhân ở học sinh trung học phổ thông

Dựa vào mục Yêu cầu cần đạt của các năng lực chung trong Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Bộ GD-ĐT, 2018a), trong đó có những yêu cầu cần đạt tích hợp với kỹ năng bậc độ quan điểm cá nhân:

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng; Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới; Nhận thức được cá tính của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp; Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng; Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người; Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác; Khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm, rút kinh nghiệm cho bản thân.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; Biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

Trên cơ sở đó, chúng tôi xác định những biểu hiện của kỹ năng bậc độ quan điểm cá nhân ở HS THPT gồm: (1) Chủ động suy nghĩ độc lập; hình thành ý tưởng mới; có cách nhìn, cách nghĩ riêng trong học tập và cuộc sống; tránh lối suy luận thụ động, máy móc; nhận thức và thể hiện được cá tính; (2) Tự tin, mạnh dạn trình bày quan điểm của mình và hào hứng chờ đợi sự phản hồi từ người khác; (3) Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và kết hợp đa dạng, hiệu quả các loại phương tiện phi ngôn ngữ để trình bày suy nghĩ, ý tưởng phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng; (4) Có kỹ năng trình bày quan điểm rõ ràng, lời cuốn, lập luận chặt chẽ, thuyết phục; (5) Nhận thức sự khác biệt quan điểm giữa mình và người khác; biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; can đảm tranh luận, bảo vệ quan điểm của riêng mình, vượt lên áp lực từ đám đông; (6) Thái độ tôn trọng sự khác biệt; không thành kiến khi xem xét, sẵn sàng đánh giá lại vấn đề; biết điều chỉnh suy nghĩ, cảm xúc, hành vi ứng xử của bản thân.

2.1.3. Ưu thế của dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận trong việc rèn luyện kỹ năng bậc độ quan điểm cá nhân cho học sinh trung học phổ thông

Từ đặc thù bộ môn Ngữ văn nói chung và đặc trưng của VBNL nói riêng, dạy học đọc hiểu VBNL có những ưu thế nổi bật trong việc rèn luyện kỹ năng bậc độ quan điểm cá nhân cho HS. VBNL là loại văn bản nhằm phát ngôn cho một tư tưởng, một quan điểm, một chủ trương, một ý kiến về vấn đề nào đó trong cuộc sống và trong văn học; là sản phẩm của tư duy logic với nét nổi bật ở nghệ thuật lập luận xuất sắc, luận cứ sắc sảo, ngôn từ chính xác, sống động, có sức thuyết phục cao đối với người đọc, người nghe. VBNL là phương tiện thể hiện sự sâu sắc của tư tưởng, sự dũng cảm của ý chí, sự mạnh mẽ kiên định của niềm tin. Hơn nữa, những VBNL được lựa chọn đưa vào chương trình là những văn bản nghệ thuật mẫu mực, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí trí và tình cảm, giữa nghệ thuật và thực tiễn, giữa khách quan và chủ quan của những cây bút tài hoa, bản lĩnh. Khi dạy học đọc hiểu VBNL, GV cần tạo điều kiện cho HS nhận thức rõ ràng quan điểm của người viết, hình thành ý tưởng, quan điểm riêng của mình về các vấn đề và tự điều chỉnh bản thân theo chuẩn mực của xã hội. Người dạy có cơ hội kích thích tư duy, trí tuệ, khơi nguồn cảm hứng tranh luận, hùng biện và bồi dưỡng sự tự tin, có bản lĩnh, cá tính cho HS để các em đặt câu hỏi, can đảm tranh luận, bảo vệ ý kiến của mình.

Tuy nhiên, trên thực tế, số HS THPT đạt tới mức độ tư duy độc lập, tự tin, sáng tạo trong kỹ năng bậc độ quan điểm cá nhân còn hạn chế. Vì vậy, để phát huy khả năng của HS và thế mạnh của VBNL, GV cần có phương pháp tổ chức dạy học phù hợp.

2.2. Những yêu cầu có tính nguyên tắc rèn luyện kỹ năng bậc độ quan điểm cá nhân cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học văn bản nghị luận

Để rèn luyện kỹ năng bậc độ quan điểm cá nhân cho HS THPT trong dạy học VBNL có hiệu quả thì cần dựa trên những yêu cầu mang tính nguyên tắc cơ bản: (1) Rèn luyện kỹ năng bậc độ quan điểm cá nhân cho HS: tích hợp linh hoạt và gắn với hoạt động thực hành trong quá trình dạy học VBNL. GV chú trọng hướng dẫn HS liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội, với trải nghiệm cá nhân HS; (2) Đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, cá tính của HS: chú trọng khai thác những vấn đề HS quan tâm, hứng

thú, phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí lứa tuổi, trình độ nhận thức của HS, lưu ý tới tính cách có phần cá biệt của từng HS. Nếu không việc bộc lộ quan điểm cá nhân của HS chỉ mang tính áp đặt, hình thức; (3) Đảm bảo môi trường cởi mở, dân chủ, tôn trọng sự khác biệt: để mỗi HS tự tin, vượt qua tâm lí lo ngại, thoải mái trình bày ý kiến riêng của mình, cần một tập thể có sự cởi mở, bình đẳng, dân chủ. Ở đây, sự khác biệt trong tiếp nhận mang tính cá nhân cần được ghi nhận và tôn trọng. HS được tạo điều kiện tự do, dân chủ trao đổi, được khuyến khích đối thoại, tranh luận với bạn học và với người có kinh nghiệm hơn là GV. Lúc này, GV đóng vai “trọng tài”, cần theo dõi, dẫn dắt, gợi ý, lắng nghe ý kiến của HS; có thái độ khách quan, công bằng trong nhận xét, đánh giá (Nguyễn Thị Thu Hiền, 2016).

2.3. Một số biện pháp rèn luyện kĩ năng bộc lộ quan điểm cá nhân cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học văn bản nghị luận

2.3.1. Yêu cầu học sinh viết “Nhật kí đọc sách”

Trong khâu chuẩn bị bài cho các tiết học đọc hiểu văn bản nói chung và VBNL nói riêng, HS thường được GV yêu cầu đọc và soạn bài trước khi đến lớp thông qua những câu hỏi hướng dẫn học bài trong SGK hoặc được GV cung cấp thêm những câu hỏi, bài tập để chuẩn bị. Tuy nhiên, một thực trạng còn tồn tại là HS thường ít khi đọc văn bản trước khi soạn bài, HS thường soạn theo kiểu đối phó và thường chép một cách máy móc các câu trả lời có sẵn từ các tài liệu, sách tham khảo Ngữ văn. Cho HS làm việc với các bài tập của “Nhật kí đọc sách” là một cách để hạn chế tình trạng trên, phát huy tính chủ động suy nghĩ độc lập, mạnh dạn trình bày quan điểm và bảo vệ ý kiến của mình trong việc đọc hiểu văn bản trên lớp.

“Nhật kí đọc sách” là một mẫu gồm 10 bài tập hướng dẫn HS đọc văn bản văn học và ghi lại những gì đã đọc. “Nhật kí đọc sách” được hiểu là những ghi chép hàng ngày về những điều mà người đọc tiếp nhận được từ sách (Hoàng Phê, 2000). Đây là cơ hội cho HS thể hiện ý tưởng, ghi lại những sự kiện quan trọng, giúp HS tham gia phân tích những gì đã đọc được, nêu cảm nhận riêng, kiểm tra kiến thức của chính mình và khả năng giải thích một quan điểm, từ đó HS có hứng thú học tập, biết giao tiếp và tôn trọng suy nghĩ người khác (Taffy & Elfrieda, 1996). Taffy (1996) đề xuất mẫu bài tập “Nhật kí đọc sách” cho thể loại tự sự với những bài tập cụ thể: Hình ảnh; Từ; Thủ pháp và nghệ thuật đặc sắc; Trình tự sự kiện; Hồ sơ nhân vật; Quan điểm; Điểm sách/phê bình; Đặc sắc; Giải thích; Bản thân và truyện. Tuy nhiên, nó có thể áp dụng linh hoạt cho HS tự đọc các loại văn bản khác. Tiến trình dạy một tiết học có sử dụng “Nhật kí đọc sách” đối với VBNL nhằm rèn luyện kĩ năng bộc lộ quan điểm cá nhân gồm có 3 bước: (1) GV hướng dẫn HS chuẩn bị ở nhà; (2) GV hướng dẫn HS sử dụng “Nhật kí đọc sách” trên lớp; (3) GV hướng dẫn HS sử dụng “Nhật kí đọc sách” sau khi học trên lớp (Nguyễn Thị Hồng Nam, 2012):

(1) *GV hướng dẫn HS chuẩn bị ở nhà*: GV chia nhóm HS thành 3-4 nhóm theo vị trí chỗ ngồi những bàn gần nhau, hướng dẫn HS chuẩn bị “Nhật kí đọc sách” ở nhà theo các nhóm trong thời gian khoảng một tuần. GV yêu cầu nhóm thực hiện một số bài tập trong 10 bài tập của “Nhật kí đọc sách”, các nhóm thảo luận và phân công bài tập theo khả năng, sở thích của các thành viên. GV yêu cầu HS phải thể hiện suy nghĩ cá nhân, độc lập, sáng tạo bằng hình thức viết hoặc vẽ, không chép tài liệu tham khảo hoặc bài của bạn.

(2) *GV hướng dẫn HS sử dụng “Nhật kí đọc sách” trên lớp*: Trong quá trình tổ chức dạy học trên lớp, GV tạo điều kiện HS thảo luận nhóm về bài tập đã thực hiện, HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, kinh nghiệm bản thân về văn bản. Mỗi HS sẽ trình bày bài tập mình đã chuẩn bị trước nhóm, những HS khác có thể bổ sung ý kiến, yêu cầu giải thích hoặc phân biệt lại. Trong quá trình thảo luận về “Nhật kí đọc sách”, GV hướng dẫn HS ghi chú lại kết quả thảo luận, ý kiến phản hồi, những nhận xét của bạn học, của GV để rút kinh nghiệm. Như vậy, HS sẽ thấy rõ thiếu sót của mình và tự điều chỉnh.

(3) *GV hướng dẫn HS sử dụng “Nhật kí đọc sách” sau khi học trên lớp*: Sau giờ học, GV động viên HS viết lại nhật kí của cá nhân và nhóm một cách thuyết phục. HS có thể viết lại bài tập vào vở hoặc gửi qua hộp thư điện tử để tiếp tục chia sẻ và phản hồi. Yêu cầu HS làm việc với “Nhật kí đọc sách” là cách để GV đặt HS đứng trước những tình huống có vấn đề, kích thích hoạt động liên tưởng, tưởng tượng, tư duy sáng tạo. “Nhật kí đọc sách” là một trong những cách giúp HS suy nghĩ, khám phá VBNL một cách có ý thức, có hệ thống, cũng là một biện pháp nhằm khơi gợi suy nghĩ, cảm nhận của HS về văn bản một cách chân thật nhất, không phụ thuộc vào tài liệu hoặc suy nghĩ của người khác. Để giúp HS bộc lộ ý kiến cá nhân của mình, GV ưu tiên các bài tập như: Quan điểm, Điểm sách/ phê bình, Phần đặc sắc của văn bản, Giải thích, Bản thân và văn bản.

2.3.2. Tổ chức hoạt động đối thoại

Trong quá trình dạy học đọc hiểu VBNL, GV cần tạo ra không gian đối thoại giữa các cá nhân hoặc giữa các nhóm để các em trao đổi, tranh luận, tìm ra chân lí. Trong môi trường lớp học cởi mở, dân chủ, quá trình đối thoại không chỉ diễn ra giữa GV với HS mà còn có sự xuất hiện những câu hỏi ngược lại của HS đối với bạn học và GV.

Hình thức đối thoại giúp cho HS có cái nhìn khách quan, bình đẳng, có nhu cầu chia sẻ, ý thức bảo lưu ý kiến và tôn trọng những quan điểm khác biệt với mình; phát huy tư duy độc lập và sáng tạo; biến quá trình dạy học thành quá trình tự học (Nguyễn Văn Cường & Nguyễn Cẩm Thanh, 2015).

- *Tổ chức hoạt động đối thoại cá nhân*: Trong một số trường hợp, hình thức làm việc cá nhân - hình thức mỗi HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình mà không có sự tham gia giúp đỡ của bạn học - mang lại hiệu quả cao hơn là học nhóm, tạo điều kiện cho HS tập trung suy nghĩ, chủ động, mạnh dạn hơn với những quyết định của chính bản thân. Phương pháp này thừa nhận sự khác biệt của mỗi cá nhân, GV phát hiện rõ thái độ, phong cách học tập, cá tính của từng HS, đánh giá được thế mạnh và hạn chế của các em để có biện pháp tác động, rèn luyện hiệu quả. Dạy học đọc hiểu VBNL không thể thiếu các câu hỏi nòng cốt mang tính đặc trưng của VBNL: câu hỏi về luận đề; câu hỏi về luận điểm, luận cứ, lập luận; câu hỏi về hình thức nghị luận, câu hỏi về tư tưởng, quan điểm tác giả. Tuy nhiên, để rèn luyện năng lực suy nghĩ độc lập, kết nối tri thức, tư duy phân tích, phản biện của cá nhân HS, GV cần tập trung xây dựng hệ thống câu hỏi đánh giá về quan điểm và cách thể hiện của tác giả trong văn bản. Kiểu câu hỏi “mở” và câu hỏi “mở rộng” sẽ có ưu thế, có thể là những câu hỏi “làm sáng tỏ”, nhằm làm rõ, giải thích hay chi tiết, cụ thể hóa những ý tưởng trong câu trả lời trước đó, hoặc là câu hỏi “hỗ trợ”, loại câu hỏi thăm dò lí do của HS. Từ đó, HS sẽ đưa ra nhiều đáp án và nhiều lí do khác nhau cho các câu trả lời. Các câu hỏi tương tự như: “*Anh/ chị có hoàn toàn đồng quan điểm với người viết không? Vì sao?; Anh/ chị có ý kiến nào khác với quan điểm của tác giả? Anh/ chị làm thế nào để thuyết phục họ tán thành với ý kiến của mình?; Anh/ chị thấy lập luận như thế có hợp lí không? Có cách thuyết phục nào khác không?*”.

GV có thể tổ chức đối thoại qua một số kĩ thuật dạy học như: kĩ thuật động não, kĩ thuật trình bày 1 phút... HS có thể bộc lộ suy nghĩ, cách nhìn nhận, đánh giá một cách nhanh chóng và trao đổi, chia sẻ ngắn gọn với GV và bạn học. Đồng thời, GV cần khơi gợi để các em biết nêu câu hỏi, mạnh dạn chia sẻ những gì chưa hiểu, chưa rõ, không sợ bạn học chê cười. Chẳng hạn, khi dạy văn bản *Chiếu cầu hiền* của Ngô Thì Nhậm (Ngữ văn 11), GV có thể sử dụng kĩ thuật động não để HS trao đổi quan điểm cá nhân trực tiếp bằng các câu hỏi như:

- + *Anh/ chị có đồng tình với thái độ, cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà không? Vì sao?*
- + *Theo anh/ chị, đoạn văn bản nào có sự tác động lớn nhất đến những người hiền? Vì sao?*
- + *Theo anh/ chị, con đường cầu hiền của vua Quang Trung có rộng mở không? Vì sao?*
- + *Anh/ chị có cách nào khác để tác động đến những người hiền không?*
- + *Theo anh/ chị, để giữ chân người tài, nhà nước cần quan tâm đến những vấn đề nào?*

- *Tổ chức hoạt động đối thoại theo nhóm*: Khi tổ chức hoạt động đối thoại, với những tình huống có vấn đề, chứa đựng mâu thuẫn hoặc có nhiều sự lựa chọn cách giải quyết, đòi hỏi HS phải dùng khả năng phân tích, tổng hợp, suy luận, GV nên tổ chức hoạt động nhóm. Hoạt động theo nhóm, HS sẽ có cơ hội được trao đổi và thể hiện chủ kiến của mình một cách thoải mái, tự nhiên nhất. HS cùng chia sẻ, bày tỏ ý kiến, quan điểm riêng của mình, các em đưa ra những lập luận để bảo vệ ý kiến của mình trước nhóm, cùng hợp tác trao đổi, thống nhất để giải quyết vấn đề. Sau khi các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, GV tổ chức cho HS thuyết trình và tranh luận. Hoạt động đối thoại theo nhóm sẽ thành công khi tạo được không khí đối thoại, tranh luận sôi nổi trong nội bộ nhóm, giữa các nhóm, HS nhận thức và điều chỉnh cách nhìn, cách nghĩ phù hợp với chuẩn mực.

Áp dụng phương pháp hoạt động đối thoại nhóm để thảo luận, tranh luận giải quyết các tình huống có vấn đề không chỉ phát huy được sự suy ngẫm, sáng tạo, ý tưởng riêng của mỗi HS mà còn rèn luyện kĩ năng tương tác, làm việc tập thể của HS. GV có thể giao nhiệm vụ riêng cho từng nhóm hoặc chung cho tất cả các nhóm nhưng đảm bảo các nhóm đều được báo cáo và tranh luận. GV có thể sử dụng một số biện pháp, kĩ thuật phù hợp cho hoạt động nhóm như: “khăn trải bàn”, “phòng tranh”, kĩ thuật tranh luận “ủng hộ - phản đối”... Chẳng hạn, dạy đọc VB *Về luân lí xã hội ở nước ta* của Phan Châu Trinh (Ngữ văn 11), GV đặt ra vấn đề: Trong bài viết *Về luân lí xã hội ở nước ta*, tác giả Phan Châu Trinh đã cảnh báo hiện tượng “...*người nước mình thì sao? Người mình thì phải ai tại này, ai chết mặc ai! Đi đường gặp người bị nạn bị nạn, gặp người yếu bị kẻ mạnh bắt nạt cũng ngoắt đi qua, hình như người bị nạn khôn ấy không can thiệp gì đến mình*”. Anh/ chị có đồng ý với Phan Châu Trinh không? Hãy chia sẻ bằng lời suy nghĩ của anh/ chị về điều này. Với tình huống này, GV nên tổ chức lớp thành các nhóm theo hai quan điểm: đồng ý và phản đối để tranh luận.

2.3.3. Tổ chức trải nghiệm đóng vai

Một trong những trải nghiệm có chiều sâu là phương pháp đóng vai. Đóng vai trong dạy học đọc hiểu VBNL là cách thức tổ chức thực hành cho HS tự đặt mình vào vị trí của tác giả, nhân vật trong hoàn cảnh, tình huống cụ thể mà GV giả định. Ở vị trí đó, HS được tự do trình bày cảm xúc, ý tưởng, quan điểm của mình: “Nếu là tôi, tôi sẽ...”.

Với việc đóng vai xử lý tình huống, HS sẽ rèn luyện kỹ năng bộc lộ quan điểm cá nhân cùng các năng lực giải quyết vấn đề, năng lực ra quyết định, năng lực giao tiếp... Phương pháp đóng vai trong giờ đọc hiểu VBNL, việc “diễn” không phải là phần chính của phương pháp này, điều quan trọng là thảo luận sau phần diễn. Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau: (1) GV nêu chủ đề, nhân vật, bối cảnh để thực hiện việc đóng vai. Lựa chọn tình huống mở, phù hợp với trình độ của HS; (2) HS / nhóm thảo luận, biên tập, phân vai nhân vật và ứng xử, hành động theo quan điểm của mình; (3) HS/ nhóm khác nhận xét, tranh luận về cách ứng xử, quan điểm của bạn; (4) GV trao đổi, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho. Chẳng hạn, dạy đọc văn bản *Chiếu cầu hiền* (Ngữ văn 11), khi đọc từng phần và cả bài chiếu, GV có thể cho cá nhân HS thử đặt mình vào vai của những người hiền đang ở ẩn, chưa tích cực hợp tác với triều đại Tây Sơn để phỏng đoán xem thái độ, hành động của họ. HS sẽ đặt mình vào vai và trình bày: “*Tôi đang ở ẩn, khi tôi đọc hết phần 1 của bài chiếu, tôi có thái độ, hành động là: ... vì...; Tôi đang ở ẩn, khi tôi đọc hết phần 2 của bài chiếu, tôi có thái độ, hành động là: ... vì...; Tôi đang ở ẩn, khi tôi đọc hết phần 3 của bài chiếu, tôi có thái độ, hành động là: ... vì...*”. Hay những tình huống có nhiều nhân vật, GV cho HS hoạt động nhóm với hình dung cuộc giao tiếp, trò chuyện giữa các nhân vật về một chủ đề liên quan đến bài học. Ví dụ, sau khi tìm hiểu văn bản *Chiếu cầu hiền*, GV yêu cầu HS đóng vai các nhân vật: Lê Lợi trong *Bình Ngô đại cáo*, triều đại Lê Thánh Tông trong *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* của Thân Nhân Trung, vua Quang Trung trong *Chiếu cầu hiền*. Cả ba nhân vật tham gia cuộc giao tiếp về chủ đề “*Hiền tài với Tổ quốc và Tổ quốc với hiền tài*”. HS nhận vai suy nghĩ và trình bày ý kiến của mình.

2.3.4. Gợi ý cho học sinh viết phản hồi ngắn sau hoạt động đọc hiểu

Trong dạy học văn bản, sau khi kết thúc hoạt động đọc hiểu không có nghĩa là đã chấm dứt hoạt động học tập, GV sẽ khơi gợi một số vấn đề để HS tiếp tục tư duy về văn bản. GV có thể yêu cầu HS xem xét lại những quan điểm đã được trình bày nhưng chưa làm các em thỏa mãn, hoặc các em có cách đánh giá, lí giải vấn đề, mở rộng, hoặc liên hệ bản thân, bài học nhận thức rút ra từ văn bản. Hoạt động này có thể tổ chức làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ HS. Với thời lượng trên lớp chỉ giới hạn trong 1 hoặc 2 tiết nên chỉ có thể yêu cầu HS viết một đoạn văn. Theo cách này, HS suy nghĩ, có ý tưởng phản hồi ở mức hoạt động mở rộng, liên hệ vận dụng, sáng tạo giải quyết vấn đề. Sau khi viết xong, GV cần tạo cơ hội cho một số HS nói, trình bày những gì vừa viết. GV có thể gợi ý cho HS viết phản hồi bằng một số câu hỏi như: “*Theo anh/chị, những vấn đề nào của tác phẩm chưa được xem xét thỏa đáng? Anh/chị có thể đưa ra cách lí giải của mình; Anh/chị có cảm nhận như thế nào sau khi đọc văn bản? Ngoài những vấn đề mà tác giả đề cập trong văn bản, anh/chị có nghĩ rằng văn bản còn hướng tới điều gì khác nữa?; Anh/chị thích/ không thích luận điểm, luận cứ nào trong tác phẩm? Vì sao?; Anh/chị rút ra được bài học gì qua việc tìm hiểu văn bản?*”.

2.3.5. Đánh giá năng lực qua quan sát hoạt động học của học sinh

Để rèn luyện kỹ năng bộc lộ quan điểm cho HS, GV cần có phương pháp đánh giá hiệu quả, đánh giá qua quan sát hoạt động học của HS là một phương pháp thu thập thông tin vừa có căn cứ để đánh giá vừa để hỗ trợ, điều chỉnh hoạt động học kịp thời. Ở đây, quan sát không chỉ là nhìn, mà GV còn phải nghe, phân tích, cảm nhận những gì mình thấy, mình nghe một cách có chủ ý. Vì thế quan sát ở đây được hiểu là hành động nhận thức có mục đích thông qua tri giác, thu tập, phân tích và ghi chép trung thực những hoạt động, thái độ, phản ứng... của HS trong những tình huống cụ thể. GV tập trung vào hành vi, cách ứng xử, những biểu hiện về thái độ, tình cảm, nhận thức của HS trong quá trình học. GV thông qua các biểu hiện của HS như biểu hiện hành động và biểu cảm bên ngoài như hành động gờ tay phát biểu, nét mặt, ánh mắt... GV cũng cần chú ý đến những HS chăm chú nhìn vào sách hay đang nghiêm túc lắng nghe, xác định xem những HS như vậy có thực sự đang tư duy về bài học hay không? Hay khi HS trả lời, GV cần có thái độ tôn trọng và có tác động hợp lí, kịp thời để HS thấy thoải mái thể hiện mức độ nhận thức, tư duy của HS. Ví dụ, qua quan sát, để ý thấy HS chưa có định hướng để giải quyết vấn đề, HS nói “*em không biết,...*”, “*em chưa nghĩ ra...*”, lúc này GV không nên trách phạt HS mà cần hỗ trợ bằng câu hỏi gợi ý, diễn đạt lại câu hỏi, thậm chí hỏi câu hỏi ở mức đơn giản hơn: “*em có nghĩ là...*”, “*có phải là...*”, “*em đã từng thấy...*”. Cách này giúp HS có hướng suy nghĩ, giảm thời gian chờ đợi phản ứng của HS.

Mỗi khi HS được trình bày quan điểm của mình, GV sẽ không phải là người duy nhất nhận xét, đánh giá. GV không vội vàng đưa ra nhận xét, đánh giá ý kiến của HS như: “*đúng rồi*”, “*chưa hợp lí*”... Sau khi HS trình bày quan điểm của mình, GV yêu cầu HS nêu những lí do, giải thích cho câu trả lời với các câu hỏi “*mở*” như: “*Tại sao lại thế?*”, “*Em căn cứ vào đâu?*”, “*Điều gì khiến em suy nghĩ như thế?*”. Đồng thời, GV trao quyền cho HS diễn đạt lại ý của bạn, nhận xét lẫn nhau, yêu cầu này đặt HS vào thế phải huy động, vận động trí não nhiều nhất để làm rõ quan điểm của mình: “*Em diễn đạt lại ý của bạn là...?*”, “*Em đồng ý với ý kiến của bạn vì...*”, “*Em không đồng ý với phát biểu của bạn trước đó bởi vì...*”. Trong quá trình quan sát hoạt động của HS, việc ghi chép thông tin rất quan

trọng. Lúc này, GV như một “quan sát viên” để đánh giá đảm bảo tính khách quan, có những phản hồi hợp lý đến HS về năng lực bộc lộ quan điểm cá nhân, GV cần xây dựng các phiếu quan sát với các nội dung và tiêu chí nhất định như: thái độ tiếp nhận nhiệm vụ, quá trình thực hiện, trả lời câu hỏi, thảo luận, báo cáo, thuyết trình, tranh luận... để có cơ sở đánh giá. GV có thể ghi chú dựa theo bảng đánh giá theo các tiêu chí sau:

Bảng 1. Tiêu chí đánh giá kỹ năng bộc lộ quan điểm cá nhân qua quan sát hoạt động học của HS

TT	Tiêu chí	Mức độ			
		Không đạt	Trung bình	Khá	Tốt
1	Chủ động, tích cực suy nghĩ độc lập; Có chủ kiến, tự đưa ra những quan điểm độc đáo, riêng biệt, đậm cá tính.				
2	Tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm, suy nghĩ của mình trước tập thể (nhóm, lớp), chờ đón phản hồi từ người khác.				
3	Trình bày, báo cáo quan điểm rõ ràng, mạch lạc, thuyết phục; kết hợp hiệu quả yếu tố ngôn ngữ và phương tiện hỗ trợ khi trình bày (ngôn ngữ cơ thể, hình ảnh, công nghệ...).				
4	Biết lắng nghe, xem xét quan điểm của người khác; mạnh dạn đặt câu hỏi, tranh luận bảo vệ quan điểm của mình.				
5	Kiểm soát cảm xúc, tôn trọng sự khác biệt; sẵn sàng điều chỉnh thái độ, cách ứng xử; có sự cố gắng tiến bộ trong quá trình học.				

Điều quan trọng trong rèn luyện kỹ năng bộc lộ quan điểm cá nhân cho HS là GV không đánh giá quan điểm HS đúng hay sai, quan trọng là HS đã tích cực suy nghĩ và tham gia trải nghiệm thực hành. GV quan sát, chú ý lắng nghe HS bày tỏ ý kiến, thảo luận, góp ý, kết hợp với việc ghi chép lên bảng quan điểm, lí do của từng HS để cả lớp theo dõi, nhìn nhận sâu sắc vấn đề đi đến thống nhất. GV ghi chú nhận xét vào sổ ghi chép để thấy rõ quá trình tiến bộ của HS. Có như vậy, HS mới tự nhận thấy được ưu điểm và hạn chế trong phần ý kiến của mình; lời nhận xét, đánh giá, điều chỉnh của GV không mang tính áp đặt và kết quả mới thật sự thuyết phục.

3. Kết luận

Xuất phát từ những yêu cầu mới về mục tiêu giáo dục của môn Ngữ văn ở trường THPT nói chung và dạy học đọc hiểu Ngữ văn nói riêng, nghiên cứu đã giới thiệu và định hướng cách áp dụng một số biện pháp có hiệu quả thiết thực trong việc rèn luyện kỹ năng bộc lộ quan điểm cá nhân cho HS THPT trong dạy học VBNL. Trên cơ sở tạo điều kiện để HS có cơ hội trình bày suy nghĩ, ý tưởng của mình dưới hình thức đối thoại, viết hay tranh luận trong quá trình đọc hiểu VBNL, những biện pháp đã đề xuất chú trọng phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của HS. Từ việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể hướng tới hình thành những phẩm chất, năng lực cho HS THPT, bài báo mong muốn góp phần đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả dạy học môn Ngữ văn ở trường THPT.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Hoàng Phê (chủ biên, 2000). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Lê Văn Hồng (chủ biên, 2001). *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thị Hồng Nam (2012). Sử dụng nhật kí đọc sách trong dạy học đọc hiểu văn bản nghệ thuật. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, 18, 128-138.
- Nguyễn Thị Thu Hiền (2016). Phát huy năng lực cá nhân của học sinh trong hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sài Gòn*, 21, 116-121.
- Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Cẩm Thanh (2015). Tương tác trong dạy học và dạy học tương tác. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 2, 3-9.
- Taffy, E. R., & Elfrieda, H. H. (2007). *Creating Intergrated Approach to Literacy Instruction*. Harcourt Brace College Publishers.